

Bản án số: 1883/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 20 - 12- 2022

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Mai

2. Ông Phạm Nguyễn Anh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương, Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa:

Bà Lê Thị Thu Phương - Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 12 năm 2022 tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 977/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2021 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 488/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Hồng V, sinh năm 1981 (Có mặt).

Địa chỉ cư trú: Số x đường A, Phường B, quận C, Thành phố H.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Lý M Y - Công ty Luật TNHH Nguyễn L; địa chỉ: Số xx (Lầu 2) đường D, phường N, Quận E, Thành phố H (Có mặt).

- Bị đơn: Ông Đào Quốc T, sinh năm 1980 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số xxx đường F, Phường K, quận C, Thành phố H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng Thương mại cổ phần Q (Vắng mặt)

Trụ sở: Số xxxx đường L, phường T, quận C, Thành phố H.

Địa chỉ liên hệ: xxxxx đường T, Phường M, Quận N, TP. H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện ngày 02 tháng 12 năm 2021; đơn khởi kiện bổ sung ngày 15/12/2021, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - Bà Trần Thị Hồng V trình bày:

Về hôn nhân: Bà Vân và ông Đào Quốc T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn số: 16, quyển số: 01/2007 ngày 09/03/2007 tại Ủy ban nhân dân Phường B, quận C, Thành phố H. Bà V và ông T chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống. Ông T không quan tâm đến gia đình, thường xuyên cờ bạc, rượu chè vợ chồng không thể thông cảm và chia sẻ với nhau trong cuộc sống, không tìm được tiếng nói chung. Từ năm 2021 đến nay mỗi người sống mỗi nơi không còn quan tâm lẫn nhau. Bà V thấy tình cảm vợ chồng không còn, vì vậy bà V làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông Đào Quốc T.

Về con chung: Bà V và ông T có 02 người con chung tên là: Đào Phương V, sinh ngày 04/09/2004 đã trưởng thành, Đào Trí V, sinh ngày 24/03/2007. Khi ly hôn bà V có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu V đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà V khai trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng có tạo lập số tiền khoảng 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng) trong 02 tài khoản: - Tài khoản số: 06019786691 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần S; - Tài khoản số: 640020547634 tại Ngân hàng N 02 tài khoản này đều đứng tên ông Đào Quốc T. Bà V yêu cầu chia đôi, được nhận số tiền 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng).

Về nợ chung: Bà V khai, bà và ông T có một khoản vay của Ngân hàng TMCP Q - Chi nhánh Đ theo hợp đồng tín dụng số: 43329.21.204.3455632.TD tháng 11 năm 2021. Cụ thể: Nợ gốc là 5.000.000.000đ (Năm tỷ đồng), nợ lãi tạm tính từ ngày 01/11/2021 đến ngày 30/11/2021 là 27.013.699 đồng (Hai mươi bảy triệu không trăm mười ba ngàn sáu trăm chín mươi chín đồng). Tổng số tiền tạm tính là 5.027. 013.699 đồng (Năm tỷ không trăm hai mươi bảy triệu không trăm mười ba ngàn sáu trăm chín mươi chín đồng). Bà V yêu cầu chia đôi, ông T có nghĩa vụ trả một nửa số nợ gốc và lãi cho Ngân hàng TMCP Q, số tiền tạm tính là 2.513.506.850 đồng (Hai tỷ năm trăm mười ba triệu năm trăm lẻ sáu ngàn tám trăm năm mươi đồng).

Đến ngày 28 tháng 11 năm 2022 bà V có đơn xin rút yêu cầu về chia tài sản chung và nợ chung.

2. Bị đơn ông Đào Quốc T: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên hòa giải cho ông

T. Ông T vắng mặt, không đến tòa nhưng có văn bản ghi ý kiến của ông T đối với yêu cầu của nguyên đơn gửi cho Tòa án và gửi cho Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp chuyển đến Tòa án.

Tại văn bản ghi ý kiến của ông T ghi ngày 16 tháng 05 năm 2022 và ngày 06 tháng 06 năm 2022, ông T trình bày: Ông T không đồng ý ly hôn. Về con chung: Có 02 người con chung là Đào Phương V và Đào Trí V. Việc ly hôn sẽ ảnh hưởng lớn đến tâm lý của con, ông T muốn các con có cả cha và mẹ để phát triển bình thường, được nuôi dưỡng trong môi trường đầy đủ tình yêu thương và không bị mặc cảm. Về tài sản chung: Ông T không đồng ý chia tài sản chung là số tiền 500.000.000 đồng trong 02 tài khoản số 060197866 tại Ngân hàng TMCP S và tài khoản số 640020547474634 tại Ngân hàng N, vì trong 02 tài khoản này không có số tiền như bà V trình bày. Về nợ chung: Ông T không đồng ý đối yêu cầu chia nợ chung của bà V và cho rằng đây là khoản nợ riêng của bà V. Ông không vay nợ, không nhận tiền, không ký tên bất kỳ văn bản vay mượn tiền nào do đó ông không có trách nhiệm trả nợ và ông sẽ cố gắng bổ sung tài liệu, chứng cứ chứng minh nộp cho Tòa sau. Vì các lẽ trên, ông T đề nghị Tòa bác yêu cầu khởi kiện của bà V.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng Thương mại cổ phần Q: Tòa án đã tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho Ngân hàng TMCP Q theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng Ngân hàng TMCP Quân Đ không có văn bản ủy quyền cho người tham gia tố tụng, không có yêu cầu độc lập vì vậy tòa án vẫn tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Về hôn nhân: Bà Trần Thị Hồng V và ông Đào Quốc T tự nguyện chung sống với nhau năm 2004, có đăng ký kết hôn số: 16 quyền số: 01/2007 ngày 09/03/2007 tại Ủy ban nhân dân Phường B, quận C, TP.H. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2012 nguyên nhân do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, ông T không quan tâm đến gia đình, cờ bạc, rượu chè. Bà V đã từng nộp đơn xin ly hôn tại Tòa án nhân dân quận Gò Vấp sau đó, bà V xin rút đơn ly hôn theo Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số: 341/2019/QĐST-HNGĐ ngày 27/03/2019 để tạo điều kiện cho ông T khắc phục sửa chữa lỗi lầm, vợ chồng đoàn tụ nhưng ông T vẫn không thay đổi, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng kéo dài đến năm 2021 bà V và ông T đã sống ly thân mỗi người một nơi. Nay, bà V xin ly hôn vì bà V xác định không còn tình cảm với ông T, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử cho bà V được ly hôn với ông Đào Quốc T.

Về con chung: Bà V và ông T có 02 người con chung là Đào Phương V, sinh ngày 04/09/2004 đã trưởng thành; Đào Trí V, sinh ngày 24/03/2007, bà V

yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Vĩ và cháu V có nguyện vọng xin được ở với mẹ căn cứ quy định khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà V là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Đào Trí V đến tuổi trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà V không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con cũng phù hợp với quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: Vào ngày 28 tháng 11 năm 2022 bà V có đơn xin rút yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung. Căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết phân chia tài sản chung và nợ chung của bà V.

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 72, 73 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đối với yêu cầu của nguyên đơn xin được giải quyết ly hôn, nuôi con theo nội dung đã trình bày là có cơ sở. Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Đối với yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung: Ngày 28 tháng 11 năm 2022 nguyên đơn có đơn xin rút yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung. Căn cứ điểm g khoản 1 Điều 217, khoản 3 Điều 218, khoản 2 Điều 244, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung của nguyên đơn. Khi các đương sự có yêu cầu sẽ khởi kiện thành vụ án khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà V khởi kiện ly hôn với ông Đào Quốc T đây là tranh chấp dân sự về hôn nhân và gia đình. Ông Đào Quốc T hiện đang cư trú tại địa chỉ: Số xx đường Thống nhất, Phường 13, quận C, Thành phố H. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp.

Bị đơn ông Đào Quốc T; Ngân hàng Thương mại cổ phần Q là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ

đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về yêu cầu ly hôn của đương sự:

- Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số: 16 Quyển số: 01/2007 do Ủy ban nhân dân phường B, quận C, Thành phố H cấp cho bà Trần Thị Hồng V và ông Đào Quốc T ngày 09 tháng 03 năm 2007 cùng lời trình bày của đương sự có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà V và ông T là hôn nhân hợp pháp.

Về phía bà V khai trong quá trình chung sống bà V và ông T phát sinh mâu thuẫn từ năm 2012 do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, ông T hay cờ bạc, rượu chè. Bà V và ông T đã được cơ quan Tòa án hòa giải nhiều lần như lời trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nêu trên phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Ông T sống không có trách nhiệm, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, xúc phạm lẫn nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, kéo dài, tình cảm vợ chồng đã hết vì vậy bà V yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông Đào Quốc T.

Về phía ông Đào Quốc T không đồng ý ly hôn, ông T không đến Tòa điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà V và ông T đã trầm trọng không thể tiếp tục duy trì nên yêu cầu ly hôn của bà V đối với ông T là có cơ sở để chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Bà V khai có 02 người con chung tên là Đào Phương V, sinh năm 2004 và Đào Trí V, sinh năm 2007 cũng phù hợp tại văn bản ý kiến của ông T trình bày. Hội đồng xét xử nhận thấy: Bà V và ông T đã ly thân mỗi người sống một nơi, các con hiện đang ở với bà V do bà Vân trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Cháu V có nguyện vọng xin được ở với mẹ. Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của con theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần giao cháu Đào Trí V, sinh ngày 24/03/2007 cho bà V là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành là có cơ sở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Bà V không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ngày 28 tháng 11 năm 2022 bà V có đơn xin rút yêu cầu giải quyết về phần chia tài sản chung và nợ chung của vợ chồng, do ông T và Ngân hàng TMCP Q. Việc rút đơn của bà V là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của bà V và đình chỉ xét xử đối

với yêu cầu xin chia tài sản chung và nợ chung của bà Vân. Khi các đương sự có yêu cầu sẽ giải quyết việc chia tài sản bằng vụ án khác.

[3] Về án phí:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Vân phải chịu án phí sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Án phí dân sự sơ thẩm: Do bà V có đơn rút yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung, căn cứ quy định tại điểm g khoản 1 Điều 217, khoản 3 Điều 218 Bộ luật tố tụng dân sự hoàn lại tiền tạm ứng án phí số tiền 6.250.000 đồng (Sáu triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) cho bà V.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm g khoản 1 Điều 217, khoản 3 Điều 218, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 244, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Hồng V được ly hôn với ông Đào Quốc T.

Giấy chứng nhận kết hôn số: 16, Quyền số: 01/2007 đăng ký ngày 09 tháng 03 năm 2007 tại Ủy ban nhân dân Phường B, quận C, Thành phố H không còn hiệu lực khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Có 02 người con chung tên là:

- Đào Phương V, sinh ngày 09/09/2004 đã trưởng thành;

- Đào Trí V, sinh ngày 24/03/2007 giao bà Trần Thị Hồng V là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà V không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

Ông T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu xin chia tài sản chung và nợ chung. Khi các đương sự có yêu cầu sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

5. Về án phí:

- Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà V phải chịu là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được cân trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà V đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số AA/2021/0047363 ngày 15/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Hoàn lại số tiền 6.250.000 đồng (Sáu triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) cho bà Trần Thị Hồng V theo biên lai thu số AA/2021/0047364 ngày 15 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án

Nguyễn Thị Thanh Tuyên